CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí

Ngày 30/09/2025	1,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	8.3%	**-7.1%**	**-**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	1,200 - 2,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	39
Số lượng CPLH (CP)	30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,790
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	0.18
EPS	72
P/E	18.0

DT thuần
Q3/25
3.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.84| 134%
YoY: ▲ 1.90| 145%

LN thuần
Q3/25
-0.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.24| 35.1%
YoY: ▲ 0.26| 37.0%

LN sau thuế
Q3/25
-0.36
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.23| 39.5%
YoY: ▲ 0.49| 58.0%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
-11.1%
YoY: +/-▲ 32.1%

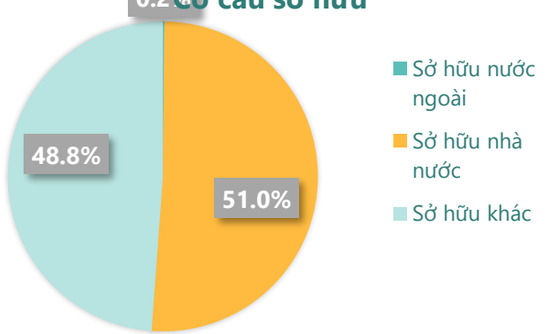
ROE (TTM)
Q3/25
1.6%
YoY: +/-▲ 0.4%

DT thuần
9T 2025
4.96
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.36| 37.8%

LN thuần
9T 2025
-2.22
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.13| 33.6%

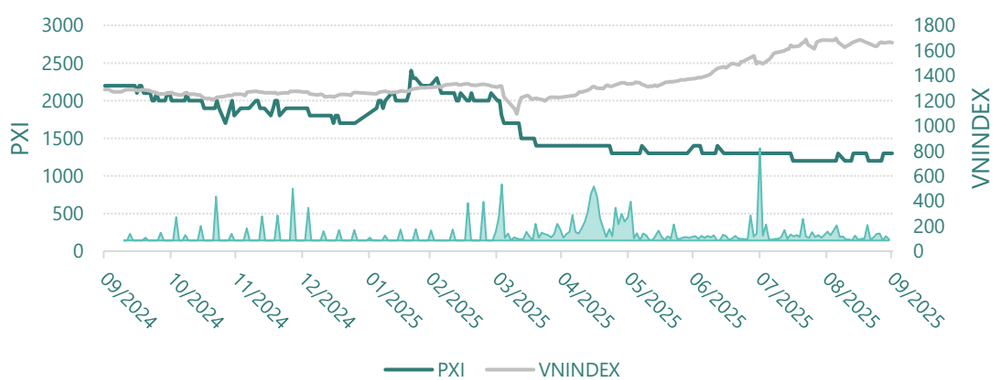
LN sau thuế
9T 2025
-1.31
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.80| 57.8%

Cơ cấu sở hữu

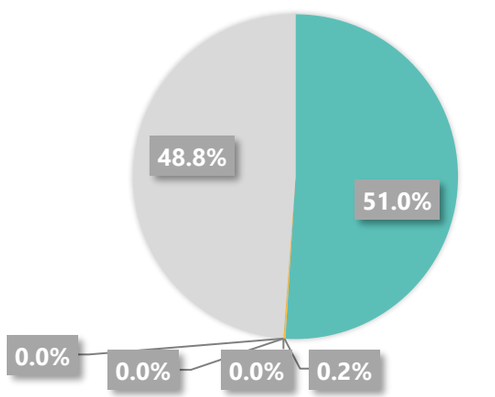


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



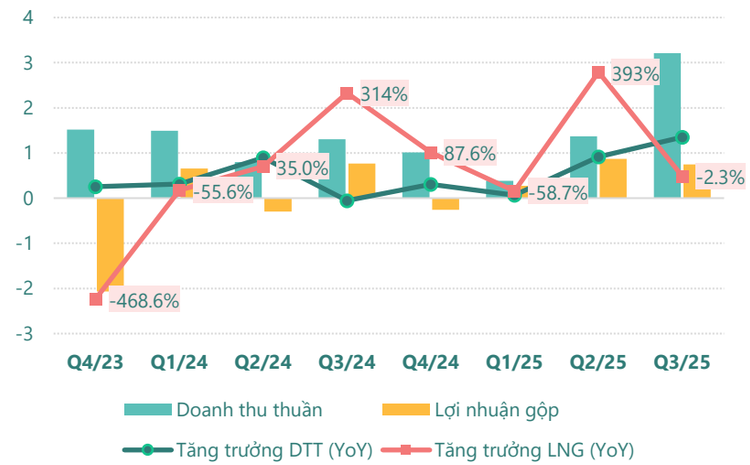
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

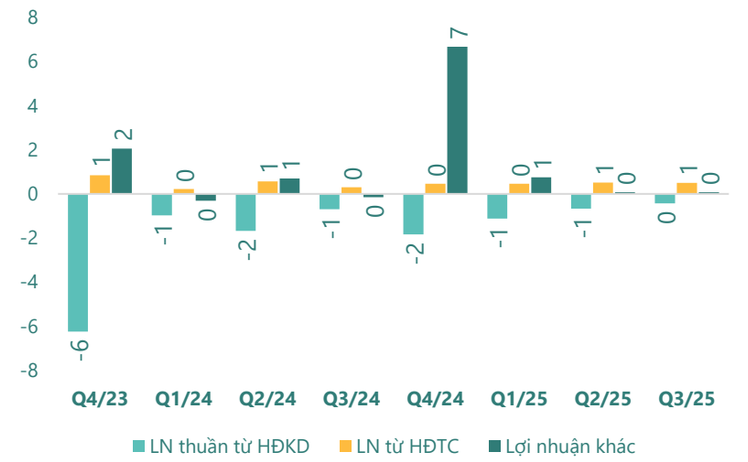
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



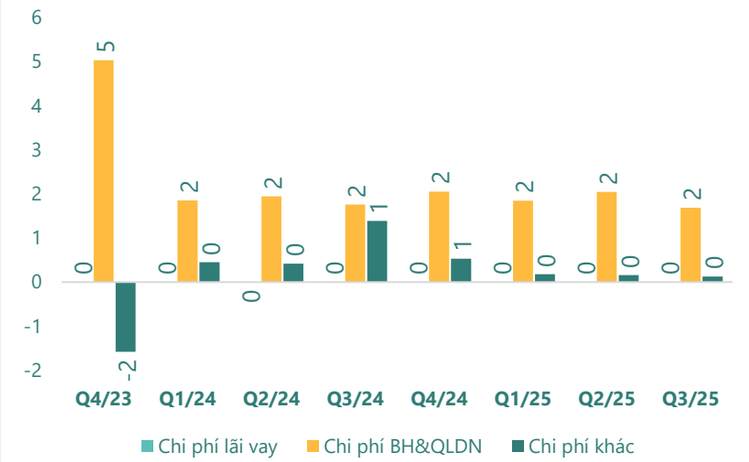
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



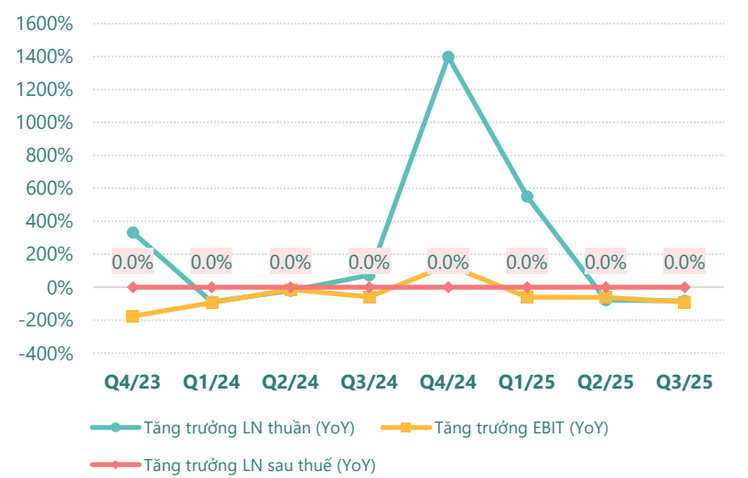
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



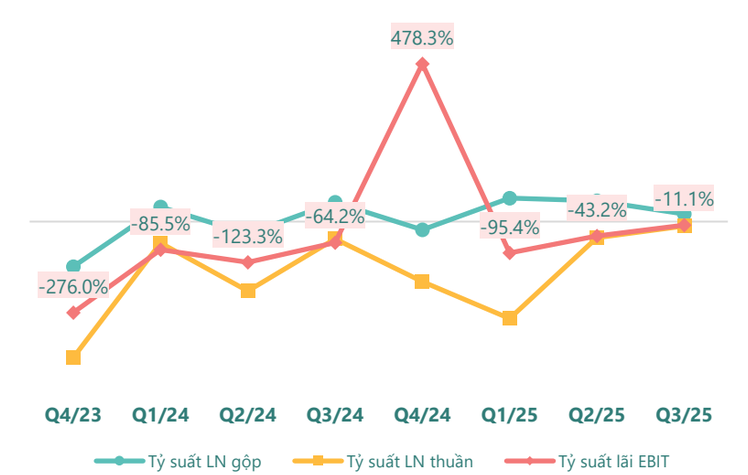
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



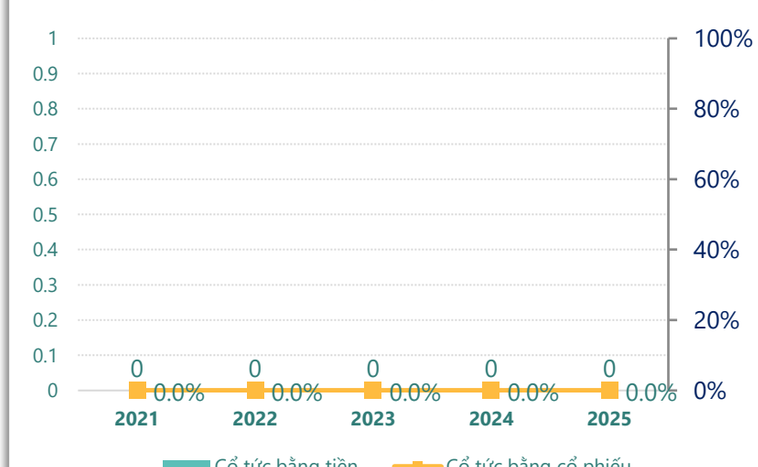
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

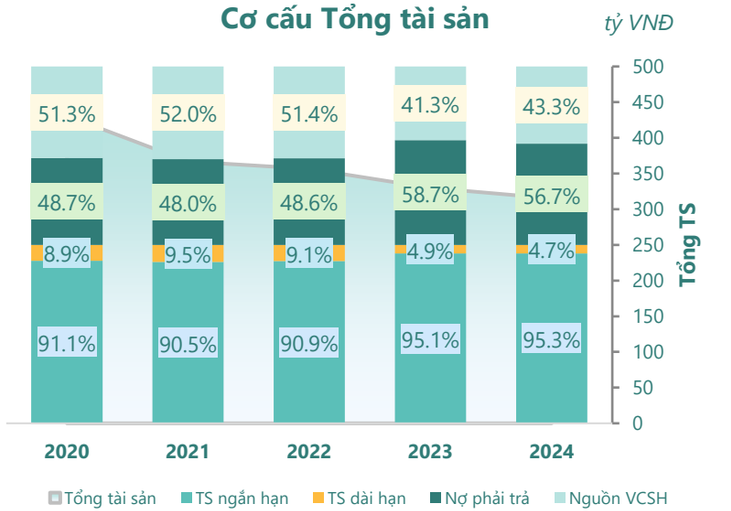
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

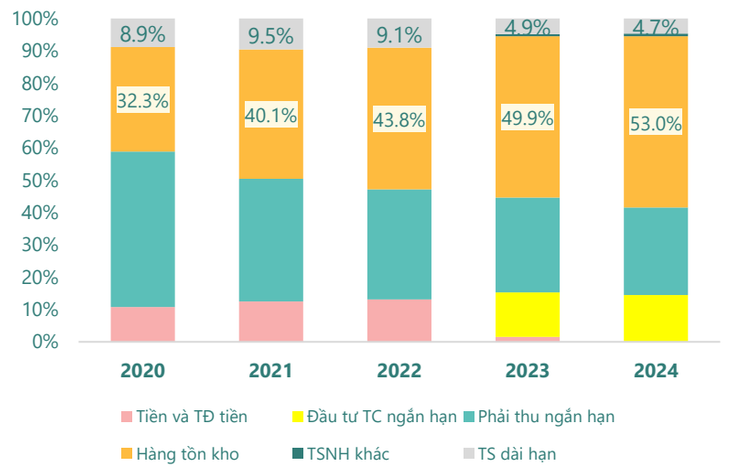
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



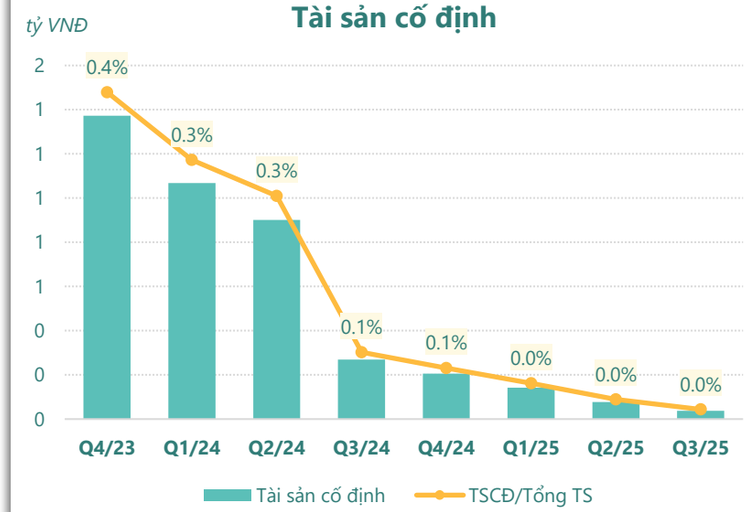
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



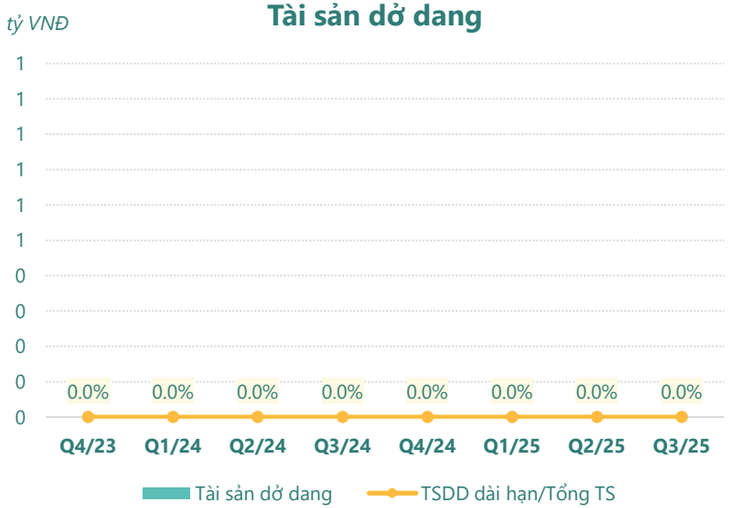
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



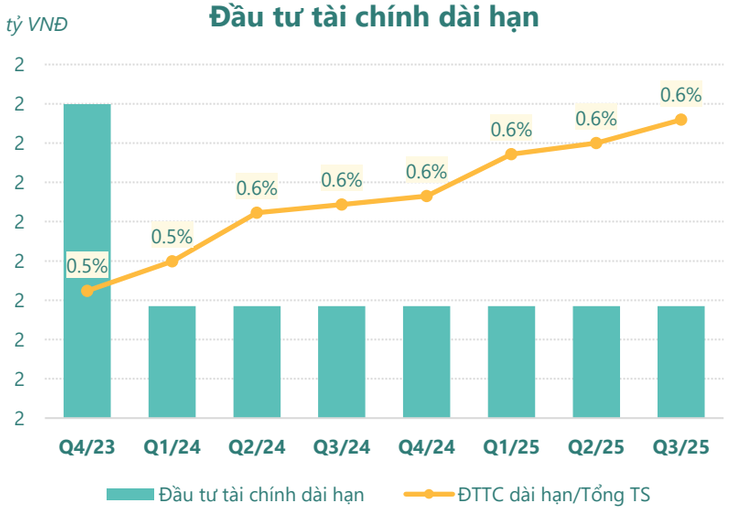
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



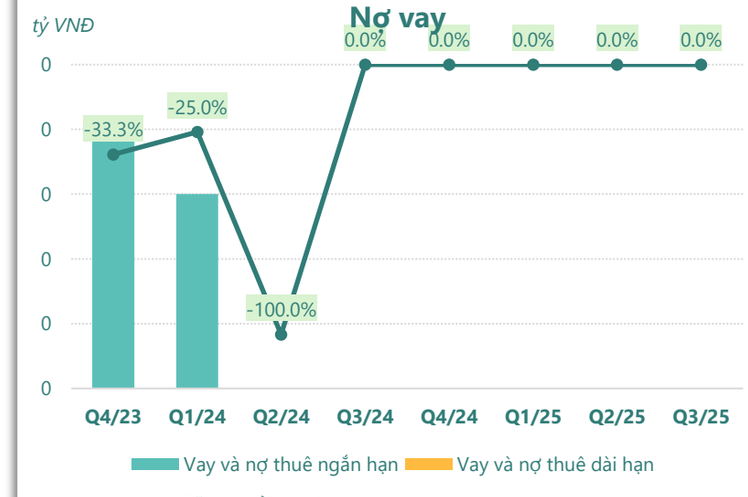
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

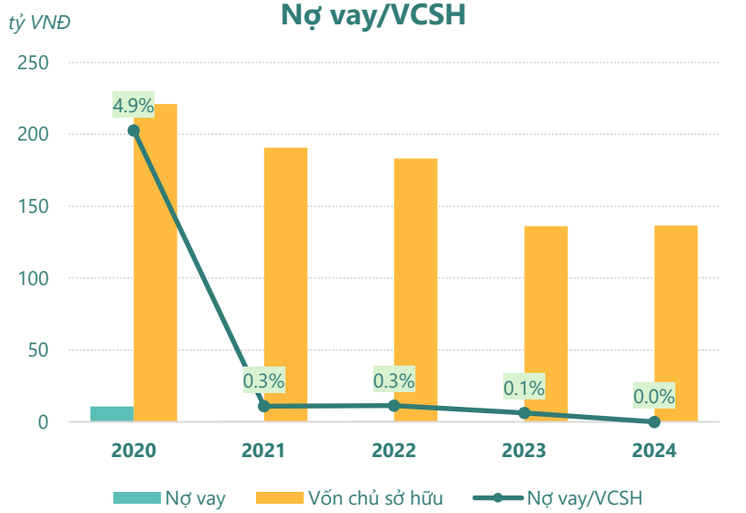
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

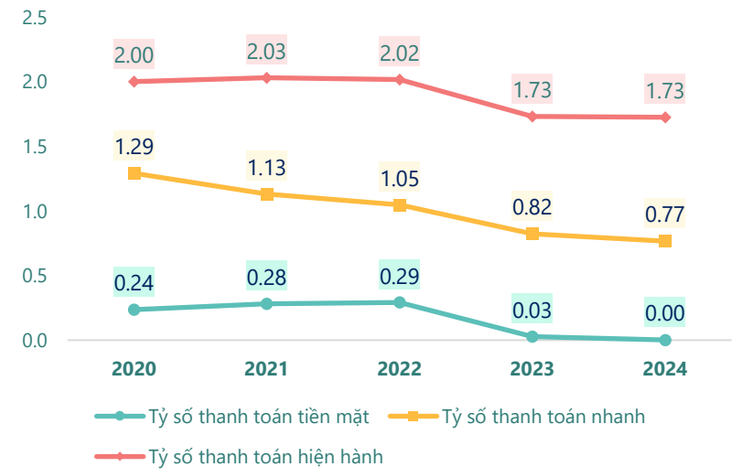
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



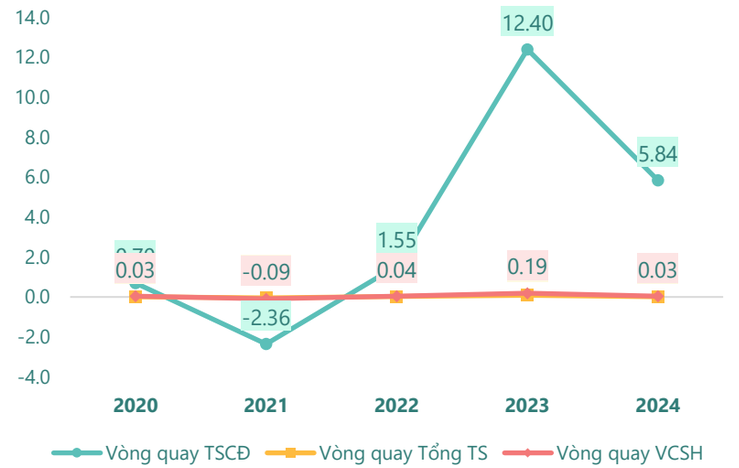
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



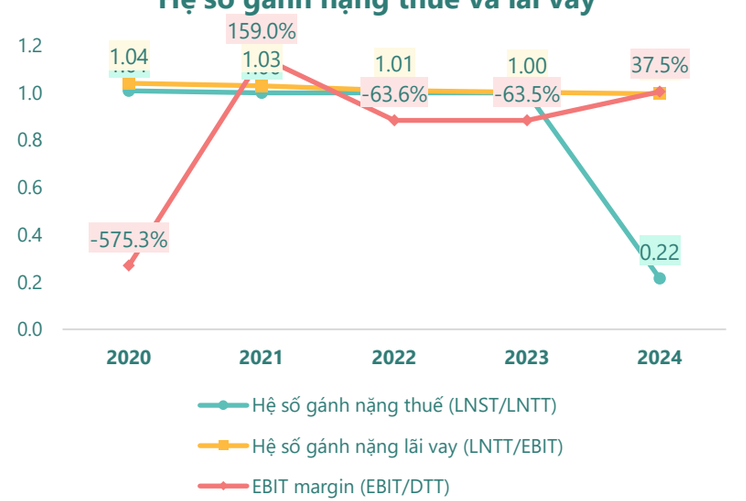
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



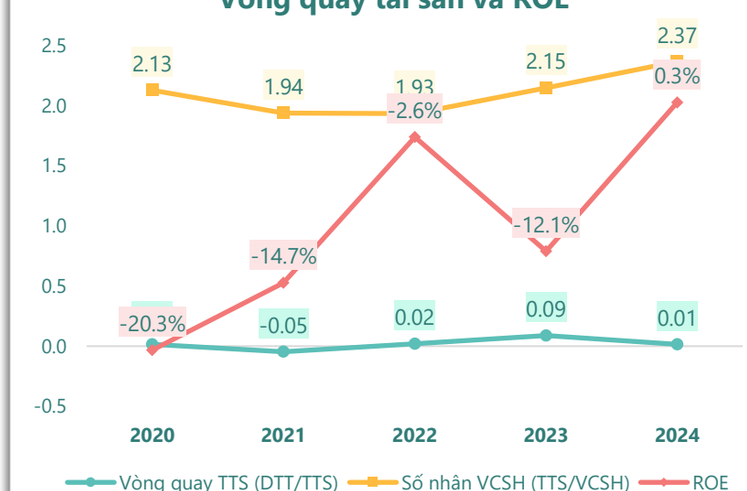
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



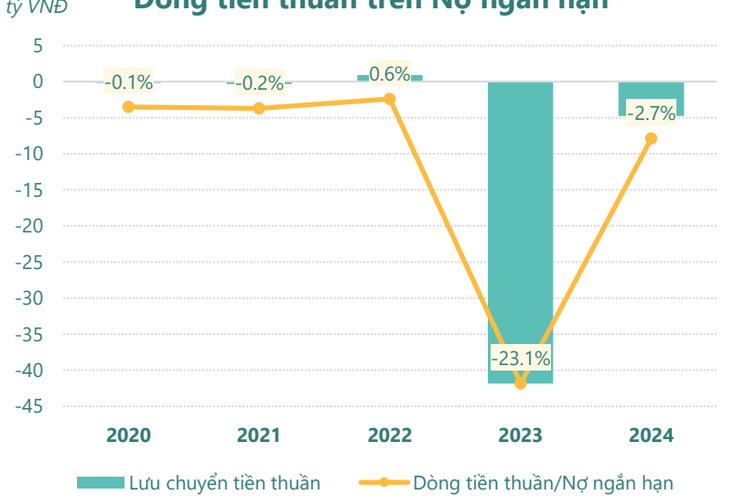
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**3.21**	**1.31**	**145%**	**4.96**	**3.60**	**37.8%**
Giá vốn hàng bán	2.46	0.54	356%	3.07	2.47	24.3%
Lợi nhuận gộp	0.75	0.77	-3.0%	1.89	1.13	67.4%
Doanh thu HĐTC	0.51	0.31	64.8%	1.48	1.09	35.0%
Chi phí TC	0.01	0.01	-23.6%	0.01	0.01	0.0%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0	0.01	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.69**	**1.76**	**-4.3%**	**5.57**	**5.56**	**0.3%**
LN thuần từ HĐKD	-0.43	-0.69	37.0%	-2.22	-3.35	33.6%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**-0.16**	**149%**	**0.91**	**0.24**	**284%**
LN trước thuế	-0.36	-0.85	58.0%	-1.31	-3.11	57.8%
Lợi nhuận sau thuế	**-0.36**	**-0.85**	**58.0%**	**-1.31**	**-3.11**	**57.8%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-0.36**	**-0.85**	**58.0%**	**-1.31**	**-3.11**	**57.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.31	-0.92	-3.18	-0.65	2.75	-0.63
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	1.16	1.48	1.19	0.28	0.50
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.15	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	3.17	1.72	1.96	0.26	0.79	3.82
Lưu chuyển tiền thuần	**-1.46**	**0.24**	**-1.70**	**0.53**	**3.03**	**-0.13**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.72	1.96	0.26	0.79	3.82	3.68

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**306**	**315**	**-2.9%**
Tài sản ngắn hạn	291	300	-3.0%
Tiền và tương đương tiền	3.68	0.26	1328%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.3	45.3	0.0%
Phải thu ngắn hạn	73.9	85.5	-13.5%
Hàng tồn kho	166	167	-0.7%
Tài sản ngắn hạn khác	2.56	2.37	7.9%
Tài sản dài hạn	**14.7**	**14.9**	**-1.1%**
Phải thu dài hạn	12.9	12.9	0.0%
Tài sản cố định	0.04	0.21	-81.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	1.77	1.77	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	171	179	-4.4%
Nợ ngắn hạn	**166**	**174**	**-4.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	66.7	70.0	-4.7%
Nợ dài hạn	4.83	4.87	-0.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**135**	**136**	**-1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**135**	**136**	**-1.0%**
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)